# **MA TRẬN BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN SINH HỌC**

## **I. LỚP 10**

### **1.1. Ma trận, đặc tả đề kiểm tra**

**- Thời điểm kiểm tra:**

**- Thời gian làm bài: 45 phút**

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận với tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận;*

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:40*% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

+ Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm  *(*40*% Nhận biết; 30% Thông hiểu)*

+ Phần tự luận: 3,0 điểm *(Vận dụng: 2,0 điểm/1-2 câu; Vận dụng cao: 1,0 điểm/1 câu).*

**- Xác định số câu cho mỗi chủ đề/nội dung và từng mức độ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | | | **Tổng** | | | **Tỉ lệ**  **% điểm** |
| **TNKQ nhiều lựa chọn** | | | **TNKQ đúng – sai** | | | **TNKQ trả lời ngắn** | | | **Tự luận** | | |
| B | H | VD | B | H | VD | B | H | VD | B | H | VD | B | H | VD |  |
| 1 | **CHƯƠNG I: THÀNH PHẦN HÓA HỌC** | **Bài 5: Các phân tử sinh học** | 3 |  |  |  | 3 | 1 |  |  |  |  |  |  | 3 | 3 | 1 | 17,5 |
| **Bài 6: Thực hành nhận biết** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2,5 |
| 2 | **CHƯƠNG II: CẤU TRÚC TẾ BÀO** | **Bài 8: Tế bào nhân thực** | 2 | 1 |  | 2 | 1 | 1 |  | 3 |  | 1 |  |  | 5 | 5 | 1 | 30 |
| 3 | **CHƯƠNG III: TRAO ĐỔI CHẤT & TRUYỀN TIN** | **Bài 10: Trao đổi chất qua màng** | 2 |  |  | 1 | 2 | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 4 | 2 | 1TN  1TL | 37,5 |
| **Bài 11: Thực hành Co nguyên sinh** | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 | 1TN  1TL |  | 10 |
| **Bài 12: Truyền tin tế bào** | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |  | 2.5 |
| **Tổng số câu/lệnh hỏi** | | | 10 | 1 | 1 | 3 | 6 | 3 | 1 | 3 |  | 1 | 1 | 1 | 16 | 5  2TL | 10  1TL | 100 |
|  | | | 2.5 | 0.25 | 0.25 | 0.75 | 1.5 | 0.75 | 0.25 | 0.75 |  | 0.5 | 0.5 | 2.0 |  |  |  |  |
| **Tổng số điểm** | | | **3,0** | | | **2,0** | | | **1,0** | | | **3,0** | | | **4,0** | **3,0** | **3,0** | **10,0** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30** | | | **20** | | | **20** | | | **30** | | | **40** | **30** | **30** | **100** |

**1.2. BẢNG ĐẶC TẢ**

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN SINH HỌC 10**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chương | Nội dung | Mức độ | Mức độ kiểm tra, đánh giá (Yêu cầu năng lực cụ thể) | TNKQNLC | TNKQ  Đ/S | TNKQTLN | TL |
| **1** | **Thành phần hoá học của tế bào** | Bài 5: Các phân tử sinh học | **Nhận biết** | **NT1:** Gọi tên được các loại đường đơn, đôi, đa; tên đơn phân của Protein và Axit Nucleic. | C1, C2, C3 |  |  |  |
| **Thông hiểu** | **NT2 (Hiểu):** Phân biệt được đặc tính lí hóa (tính kị nước của Lipid), cấu trúc không gian của Protein/DNA. |  | **C1**  (3 NT2 |  |  |
| **Vận dụng** | **VD1:** Tính toán hoặc giải thích được ứng dụng thực tiễn. |  | 1(VD1) |  |  |
| Bài 6: Thực hành nhận biết phân tử sinh học | **Nhận biết** | **NT1:** Xác định được đúng loại thuốc thử hoặc màu sắc đặc trưng của phản ứng. | C4 |  |  |  |
| **2** | **Cấu trúc tế bào** | Bài 8: Tế bào nhân thực | **Nhận biết** | **NT1:** Liệt kê được tên hoặc chức năng chính của bào quan.  **NT2:** Nhận diện được bào quan qua mô tả đặc điểm hình thái hoặc vị trí. | C5, C6  C7 (NT2) | **C2**  *(2 NT1, 1NT2, 1VD1)* | C1, C2, C3 | C1 (NT1) |
| **3** | **Trao đổi chất qua màng tế bào và truyền tin tế bào** | Bài 10: Trao đổi chất qua màng tế bào | **Nhận biết** | **NT1:** Phát biểu được khái niệm khuếch tán, thẩm thấu.  **NT2:** Phân biệt được vận chuyển chủ động và thụ động. | C8, C9 | **C3**  *(1NT1, 2 NT2, VD1)* | **C4** |  |
| **Vận dụng** | **VD1:** Giải thích được các hiện tượng thực tế (muối dưa, bảo quản thực phẩm). |  |  |  | C2 (VD1) |
| Bài 11: Thực hành co và phản co nguyên sinh | **Nhận biết** | **NT1:** Mô tả đượccác bước tiến hành thí nghiệm.  **NT2:** Mô tả/vẽ lại được đúng hình dạng tế bào khi bị co nguyên sinh. | C10 |  |  | C3 (NT2) |
| **Vận dụng** | **VD1:** Dự đoán được hiện tượng khi thay đổi nồng độ dung dịch ưu trương/nhược trương cụ thể. | C11 (VD1) |  |  |  |
| Bài 12: Truyền tin tế bào. | **Nhận biết** | **NT1:** Xác định thứ tự các giai đoạn truyền tin. | C12 |  |  |  |